

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2018/DS-PT

Ngày: 22-5-2018

V/v Tranh chấp quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2016/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 111/2018/QĐPT-DS, ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1963;
2. Chị Trịnh Nguyễn Phương T, sinh năm 1983;
3. Anh Trịnh Nguyễn Phương N, sinh năm 1985;
4. Chị Trịnh Nguyễn Phương T1, sinh năm 1988;
5. Chị Trịnh Nguyễn Phương L1, sinh năm 1993;

Cùng cư trú tại: Ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị T, anh N, chị T1, chị L1 là: Bà Nguyễn Thị S (được ủy quyền theo các văn bản ủy quyền ngày 05/8/2013).

- *Bị đơn: Bà Trịnh Thị Ngọc L2, sinh năm 1957, cư trú tại: Ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.*

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là: Ông Trần Minh V, sinh năm 1960, cư trú tại: Số nhà 381B, Khu phố A, phường K, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Công T2, sinh năm 1954;

2. Anh Nguyễn Công Đ, sinh năm 1979;

Cùng cư trú tại: Ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Công Đ là: Bà Trịnh Thị Ngọc L2 (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 08/7/2014).

3. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật là: Ông Trần Văn Đ1 – chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre là: Ông Nguyễn Văn V1 - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L.

Ông Nguyễn Văn V1 có văn bản yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 21/5/2018.

4. Ông Lê Quốc L3, sinh năm 1961, cư trú tại: Ấp N1, xã A1, huyện B1, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị S là nguyên đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2013, ngày 15/3/2013, các bản tự khai, biên bản hòa giải người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Năm 1996, ông Trịnh Văn H (cha chồng) có cho vợ chồng bà phân đất diện tích 6.800 m², thuộc thửa 197, 402, 404, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại: Ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre. Ngày 01/4/1997, ông Trịnh Xuân P1 được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vợ chồng bà quản lý, canh tác liên tục đến năm 2001, không ai tranh chấp. Năm 2001, chồng bà là ông Trịnh Xuân P1 chết để lại diện tích đất trên cho bà và các con trực tiếp quản lý, sử dụng. Bà S và ông P1 có 04 người con và đang sống cùng với bà S.

Tháng 7/2012, khi đoàn đo đạc xuống đo đất để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Trịnh Thị Ngọc L2 không đồng ý, bà L2 cho rằng phần đất có diện tích 800 m², thuộc một phần thửa 404, tờ bản đồ số 6 (hiện nay là thửa 58, tờ bản đồ số 19 là đất của bà L2 và rào chắn lại không cho bà S và các con vào canh tác. Từ tháng 07/2012 đến khoảng ngày 07/01/2016 thì phần đất đó bà S không sử dụng và bà L2 cũng không sử dụng, thời gian sau đó bà L2 tự ý vào canh tác và trồng bưởi trên phần đất tranh chấp. Phần đất tranh chấp không có nhà cửa hay công trình gì khác mà có cây trồng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà L2 giao trả lại phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 789 m², trong đó có hai phần tranh chấp: Phần thứ nhất có diện tích là 717 m², phần thứ hai có diện tích 72 m². Phía bà L2 đồng ý trả cho các nguyên đơn phần thứ hai có diện tích 72 m² nên các nguyên đơn yêu cầu bà L2 trả lại phần đất có diện tích 717 m² và cây trồng trên đất.

Theo đơn phản tố ngày 14/11/2014, các bản tự khai, biên bản hòa giải và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trịnh Thị Ngọc L2 trình bày:

Phần đất tranh chấp do ông Trịnh Xuân P1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thuộc quyền sử dụng của bà L2. Nguồn gốc đất do cha bà là ông Trịnh Văn H cho có diện tích 3.700 m², trong đó bao gồm phần diện tích đang tranh chấp. Bà là người quản lý, sử dụng và đóng thuế đầy đủ đối với diện tích đất 3.700 m². Đến năm 1997, khi đoàn đo đạc đến đo để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Trịnh Xuân P1 cũng đứng ra chỉ ranh và xác định phần đất đang tranh chấp là của bà L2.

Tuy nhiên, ngày 01/4/1997 khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà L2 phát hiện ra sổ đỏ của bà chỉ có 2.950 m², còn 750 m² mà bà L2 bị thiếu thì cấp nhằm qua sổ đỏ của ông Trịnh Xuân P1, lúc đó bà L2 có đến báo với chính quyền địa P1 về việc này thì được trả lời rằng cứ đóng thuế đúng với diện tích sử dụng là được, sau này sẽ điều chỉnh sau. Cùng thời gian đó, ông T2 chồng của bà L2 bị liệt nửa người, vì lo trị bệnh cho chồng nên bà L2 không có thời gian làm thủ tục yêu cầu cấp lại diện tích đất cho phù hợp.

Vào khoảng thời gian 1997 – 1998 bà L2 có cho cha của bà là ông Trịnh Văn H mượn phần đất tranh chấp để trồng cây đu đủ. Bà S lợi dụng việc này vào

vườn phụ trồng cây để canh tác phần đất này, sau đó ông H trả lại đất cho bà L2 thì bà S vẫn canh tác vì thế hiện nay cây trồng trên đất tranh chấp là do bà S trồng. Bà L2 có ngăn cản, yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng không được.

Đến năm 2011, khi đoàn đo đạc đến đo đạc lại để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cũng xác định phần đất tranh chấp là của bà L2, về hình thể thửa đất cũng phù hợp. Tuy nhiên, diện tích đo đạc lại đối với thửa 403, tờ bản đồ số 6 (nay là thửa 152, tờ bản đồ số 19) có thay đổi vì bà L2 có lấp đất bằng phẳng và cải tạo đất nên diện tích toàn thửa bà L2 là 4.656,3 m², bà L2 rào đất lại không cho bà S vào canh tác nữa. Do có sự tranh chấp nên bà L2 chưa hoàn thành thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà L2 trực tiếp quản lý, sử dụng đất tranh chấp từ năm 2011 đến nay.

Phía bà đồng ý trả cho các nguyên đơn phần tranh chấp thứ hai có diện tích 72 m². Đối với yêu cầu của các nguyên đơn yêu cầu bà L2 trả lại phần đất có diện tích là 717 m² thì bà L2 không đồng ý và có đơn phản tố yêu các nguyên đơn trả lại cho bà phần đất có diện tích 717 m² cho cá nhân bà L2. Bà L2 đồng ý bồi thường cho các nguyên đơn giá trị cây trồng trên đất tranh chấp theo giá trị được Hội đồng định giá xác định ngày 15/01/2015.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công T2 trình bày:

Ông thống nhất ý kiến của bà L2, không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre trình bày:

Ngày 23/6/1996, ông Trịnh Xuân P1 kê khai, đăng ký đối với ba thửa đất 197, 402, 404, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại: Ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre với tổng diện tích là 6.800 m², riêng thửa 404 có diện tích 2.250 m². Ngày 03/7/1996, Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã xét duyệt thông qua việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P1, không có tranh chấp gì. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện L xác định quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P1 là đúng quy định pháp luật.

Tại văn bản trả lời ngày 24/7/2014 của Ủy ban nhân dân huyện L về quy trình cấp quyền sử dụng đất thì có sự nhầm lẫn đối với việc cấp quyền sử dụng tại thửa 404 với diện tích 1.500 m² bị sửa thành 2.250 m², mà phần 750 m² này thuộc quyền sử dụng mà bà L2 đã đăng ký.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2016/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S, bà Trịnh Nguyễn Phương T, ông Trịnh Nguyễn Phương N, bà Trịnh Nguyễn Phương T1 và bà Trịnh Nguyễn Phương L1 yêu cầu bà Trịnh Thị Ngọc L2 giao trả phần đất tranh chấp có diện tích $717 \text{ m}^2 + 72 \text{ m}^2$ đất.

Buộc bà Trịnh Thị Ngọc L2 giao trả lại cho các nguyên đơn 72 m^2 đất, có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp với thửa 58 còn lại;
- Phía Nam giáp với phần đất tranh chấp có diện tích 717 m^2 của bà L2;
- Phía Đông giáp với đất thửa số 110 của ông Nguyễn Văn T3;
- Phía Tây giáp kênh.

(có họa đồ hiện T1 thửa đất kèm theo).

Chấp nhận một phần yêu cầu phân tố của bà Trịnh Thị Ngọc L2, công nhận 717 m^2 đất thuộc một phần thửa 152, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre do ông Trịnh Xuân P1 đứng tên quyền sử dụng đất là thuộc quyền sử dụng của bà Trịnh Thị Ngọc L2, phần đất có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp với phần đất tranh chấp diện tích 72 m^2 thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 19 của bà Nguyễn Thị S;
- Phía Nam giáp với thửa đất số 152 còn lại của bà Trịnh Thị Ngọc L2
- Phía Đông giáp với đất thửa số 110 của ông Nguyễn Văn T3;
- Phía Tây giáp kênh.

(có họa đồ hiện trạng thửa đất kèm theo).

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ...QSĐĐ/03-QĐ-UB ngày 01/4/1997 của Ủy ban nhân dân huyện L đối với nội dung cấp quyền sử dụng đất thửa 404, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.250 m^2 , tọa lạc tại: Ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre cấp cho ông Trịnh Xuân P1.

Buộc bà Trịnh Thị Ngọc L2 bồi thường số tiền 28.700.000 đồng (hai mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị S, bà Trịnh Nguyễn Phương T, ông Trịnh Nguyễn Phương N, bà Trịnh Nguyễn Phương T1 và bà Trịnh Nguyễn Phương L1.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/5/2016 nguyên đơn bà Nguyễn Thị S kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ

thẩm số: 54/2016/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện L, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 179/2016/DS-PT ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S, bà Trịnh Nguyễn Phương T, ông Trịnh Nguyễn Phương N, bà Trịnh Nguyễn Phương T1 và bà Trịnh Nguyễn Phương L1 yêu cầu bà Trịnh Thị Ngọc L2 giao trả phần đất tranh chấp có diện tích 717 m² đất.

Buộc bà Trịnh Thị Ngọc L2 giao trả lại cho các nguyên đơn 717 m² đất, có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp với phần đất tranh chấp diện tích 72 m² thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 19 của bà Nguyễn Thị S;
- Phía Nam giáp với thửa đất số 152 còn lại của bà Trịnh Thị Ngọc L2
- Phía Đông giáp với đất thửa số 110 của ông Nguyễn Văn T3;
- Phía Tây giáp kênh.

(có họa đồ hiện trạng thửa đất kèm theo).

Bà Nguyễn Thị S, Trịnh Nguyễn Phương T, Trịnh Nguyễn Phương N, Trịnh Nguyễn Phương T1 và Trịnh Nguyễn Phương L1 bồi hoàn cho bà Trịnh Thị Ngọc L2 số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số: 102/2018/DS-PT ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Chấp nhận kháng nghị số: 174/QĐKNGĐT-VKS-V4 ngày 22/11/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số: 179/2016/DS-PT ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre về vụ án “Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị S, bà Trịnh Nguyễn Phương T, ông Trịnh Nguyễn Phương N, bà Trịnh Nguyễn Phương T1 và bà Trịnh Nguyễn Phương L1 với bị đơn bà Trịnh Thị Ngọc L2.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S: Phần đất tranh chấp do tôi quản lý, sử dụng có nguồn gốc do cha chồng cho vợ chồng tôi nên tôi chỉ sử dụng đúng phần diện tích đất được tặng cho.

Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Sau khi có Quyết định giám đốc thẩm của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì Bản án dân sự phúc thẩm số: 179/2016/DS-PT ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre không còn hiệu lực. Ông L3 nhận chuyển nhượng đất của bà S thì nếu có phát sinh tranh chấp giữa ông L3 và bà S thì ông có thể khởi kiện bằng một vụ kiện khác. Bản án dân sự sơ thẩm phù hợp với quyết định giám đốc thẩm nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu của ông L3 về việc tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Quá trình giải quyết phúc thẩm lại vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Lê Quốc L3 yêu cầu tham gia tố tụng và trình bày: Sau khi Bản án dân sự phúc thẩm số: 179/2016/DS-PT ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre có hiệu lực pháp luật, ông đã nhận chuyển nhượng phần đất tranh chấp của nguyên đơn với giá 300.000.000 đồng và hiện nay ông đang quản lý, sử dụng phần đất này, ông đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm ông Lê Quốc L3 có đơn yêu cầu tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và vụ án phát sinh quyền, nghĩa vụ của người thứ ba nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án lại cho Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 “Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị”. Sau khi xét xử sơ thẩm ông Lê Quốc L3 có đơn yêu cầu tham gia tố tụng và đã cung cấp các chứng cứ như: Thông báo về việc cưỡng chế thi hành án ngày 19/4/2017, Quyết định về việc cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất ngày 18/4/2017, Biên bản về việc cưỡng chế giao tài sản ngày 10/5/2017, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/5/2017 bên chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị S và bên nhận chuyển nhượng là ông Lê Quốc L3, Biên nhận tiền ngày 15/5/2017, Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 24/6/2017. Theo đó, ông L3 cho rằng ông đã nhận chuyển nhượng hợp pháp phần đất tranh chấp từ bà Nguyễn Thị S và yêu cầu Tòa án xem xét quyền lợi của ông, đồng thời bà S cũng thống nhất lời yêu cầu của ông L3 và bà đã thi hành xong các nội dung khác của bản án như giao trả cho bà Trịnh Thị Ngọc L2 số tiền 7.000.000 đồng và phần án phí. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày rằng bà L2 vẫn đang quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp và bà L2 không hay biết về việc bà S chuyển nhượng đất cho ông L3.

[2] Xét thấy, vụ án có phát sinh mới vì xuất hiện quyền, nghĩa vụ của người thứ ba là ông Lê Quốc L3 nếu giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm sẽ ảnh hưởng đến quyền kháng cáo bản án của các bên (bị đơn không đồng ý để ông L3 tham gia tố tụng). Hơn nữa, các chứng cứ mà ông L3 cung cấp không được người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý, Tòa án cấp phúc thẩm không thể thu thập chứng cứ bổ sung được nên hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2016/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre để xét xử sơ thẩm lại vụ án. Do Bản án bị hủy nên các đương sự không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2016/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre xét xử vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, chị Trịnh Nguyễn Phương T, chị Trịnh Nguyễn Phương T1, chị Trịnh Nguyễn Phương L1, anh Trịnh Nguyễn

Phương N với bị đơn bà Trịnh Thị Ngọc L2; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Ngọc Dũng